

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 32/2023/DS – ST

Ngày 26/6/2023.

“V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà H’Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Hoà Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2022/TLST-DS ngày 15/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXX-DS ngày 15/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 31/5/2025 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng 1,2 Tòa nhà S, 111A đường P, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ ngân hàng bán lẻ 1 (Theo Quyết định ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Q).

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Phan Văn C, sinh năm 1999 (Theo Giấy uỷ quyền số 050066.23 ngày 12/5/2023 của Giám đốc Trung tâm quản lý nợ ngân hàng bán lẻ 1- Ngân hàng thương mại cổ phần Q) – Có mặt.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 đường U, P 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Sinh năm 1980.
Địa chỉ: T6, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Phan Văn C trình bày:

Ngày ngày 17/07/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần Q (VIB) ký với khách hàng Nguyễn Thị Thanh T Hợp đồng tín dụng số 2021695.20 với nội dung:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho bà T vay số tiền 531.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi một triệu đồng); Mục đích vay: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA RUSH; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 19/07/2020 đến ngày 18/07/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng trả 5.531.000 đồng, số tiền còn lại trả vào tháng cuối cùng, ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 25/08/2020. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho khách hàng Nguyễn Thị Thanh T theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 2021695(1).20 ngày 18/07/2020 với số tiền 531.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7632318.20 ngày 17/07/2020. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Toyota Rush, biển kiểm soát 47A-343.xx, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 064103 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/7/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Thanh T luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 24/01/2021 thì bà Nguyễn Thị Thanh T chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là: 48,864,847 đồng (trong đó, gốc là: 27.655.000 đồng, lãi là: 21.209.847 đồng). Sau đó không trả thêm được khoản nào đối với cả nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Ngoài khoản vay trên thì trước đó, vào ngày 22/03/2019 khách hàng Nguyễn Thị Thanh T có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc Tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, VIB đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Nguyễn Thị Thanh T với hạn mức tín dụng là: 60.000.000 đồng, loại thẻ: VIB Cash Back (Platinum), mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của VIB theo từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Thanh T luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký, bà T đã không việc trả nợ gốc, lãi, phí đúng hạn, tổng dư nợ thẻ tín dụng đến ngày 26/3/2022 (kết thúc kỳ 6 tháng) là 152.602.410 đồng (trong đó nợ gốc 56.948.560 đồng, lãi và phí thẻ 102.653.850 đồng).

Do bà Nguyễn Thị Thanh T liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 14/6/2021 Ngân hàng đã gửi cho bà T thông báo số 35274.21 về việc thu hồi toàn bộ dư nợ khoản vay và chuyển nợ quá hạn; thông báo số 35282.21 về việc xử lý tài sản bảo đảm; Ngày 22/6/2021 Ngân hàng đã gửi thông báo số 35268.21 về việc yêu cầu trả nợ, chủ động bàn giao tài sản bảo đảm; thông báo số 35281.21 về việc khởi kiện yêu cầu trả nợ. Mặc dù Ngân hàng cũng đã thông báo nhiều lần để đôn đốc bà T trả nợ nhưng bà T không có phản hồi.

Tạm tính đến ngày 23/6/2022 (ngày nộp đơn khởi kiện) thì bà Nguyễn Thị Thanh T còn nợ Ngân hàng các khoản nợ cụ thể như sau:

-Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/7/2020: Nợ gốc là 503.345.000 đồng; Nợ lãi là 120.560.883 đồng. Tổng cộng là 623.905.883 đồng.

-Dư nợ khoản vay thẻ là 159.602.410 đồng (gốc, lãi, phí).

Và toàn bộ tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 24/6/2022 theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T trả hết nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 26/6/2023 là 896.295.649 đồng (Bằng chữ: Tám trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng), trong đó:

-Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/07/2020 là: 729.124.039 đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 503.345.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 4.033.502 đồng, nợ lãi quá hạn là: 221.745.537 đồng).

-Dư nợ thẻ tín dụng là: 167.171.610 đồng ((trong đó nợ gốc 56.948.560 đồng, lãi và phí thẻ 102.653.850 đồng).

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải chịu tiền lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 27/06/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

2.Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành các thủ tục tự khai, kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, Tòa án tiến hành thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày 26/6/2023 là 896.295.649 đồng trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/07/2020 là: 729.124.039 đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 503.345.000 đồng, nợ lãi trong

hạn là: 4.033.502 đồng, nợ lãi quá hạn là: 221.745.537 đồng); Dư nợ Thẻ tín dụng là: 167.171.610 đồng. Và tiền lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 27/06/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 158; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 116, 117, 118, 119, Điều 280, 351, 463 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

-Về khoản nợ: Số nợ tạm tính đến ngày 26/6/2023 là 896.295.649 đồng trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/07/2020 là: 729.124.039 đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 503.345.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 4.033.502 đồng, nợ lãi quá hạn là: 221.745.537 đồng); Dư nợ Thẻ tín dụng là: 167.171.610 đồng. Và tiền lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 27/06/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

-Về xử lý tài sản thế chấp: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/07/2020 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bà Nguyễn Thị Thanh T với mục đích mua sắm tiêu dùng. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng; Bị đơn cư trú, sinh sống tại huyện K; Hình thức, nội dung khởi kiện đúng quy định. Đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được Tòa án nhân dân huyện K chấp nhận thụ lý giải

quyết là đúng quy định tại các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà T vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải để hai bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong vụ án không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2023 là 896.295.649 đồng trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/07/2020 là: 729.124.039 đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 503,345,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 4,033,502 đồng, nợ lãi quá hạn là: 221,745,537 đồng); Dư nợ Thẻ tín dụng là: 167.171.610 đồng. Và tiền lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 27/06/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Xét Hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/07/2020: Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo hợp đồng. Do bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày bà thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng theo lãi suất của hợp đồng tín dụng đã ký. Căn cứ quy định các Điều 280, 351, 463 Bộ luật dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, Quyết định số 20/2014/VBHN-NHNN ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, đúng với thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q, buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán cho ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày 26/6/2023 là 896.295.649 đồng trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/07/2020 là: 729.124.039 đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 503.345.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 4.033.502 đồng, nợ lãi quá hạn là: 221.745.537 đồng); Dư nợ Thẻ tín dụng là: 167.171.610 đồng. Và tiền lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 27/06/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng + (3% x 96.295.649 đồng) = 38.888.000 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 158; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng Điều 116, 117, 118, 119, Điều 280, 351, 463 Bộ luật dân sự 2015;

-Áp dụng khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

-Áp dụng Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Về khoản nợ: Tạm tính đến ngày 26/6/2023 là 896.295.649 đồng (*Tám trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng*). Trong đó:

-Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2021695.20 ngày 17/07/2020 là: 729.124.039 đồng, bao gồm: Nợ gốc là: 503.345.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 4.033.502 đồng, nợ lãi quá hạn là: 221.745.537 đồng);

-Dư nợ thế tín dụng là: 167.171.610 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2023), bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 38.888.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 17.670.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện K theo biên lai thu số AA/2021/0016610 ngày 14 tháng 11 năm 2023 (Do ông Nguyễn Khắc Đ nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H’Năm Bkrông

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H'Năm Bkrông

